

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10/4/2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Ky

2. Bà Thái Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn, Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số: 557/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 8C/2019/QĐXX-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11C/2019/QĐ-HPT, ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc A, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn LH, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu phố MB, thị trấn LH, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 27 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn A trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh L xác lập quan hệ vợ chồng năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu

thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Cuộc sống vợ chồng, thời gian đầu có hạnh phúc. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột, nguyên nhân xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống, mỗi khi vợ chồng cãi vã thì bà L bỏ về nhà cha mẹ sống và bà bỏ đi lần cuối từ năm 2016 đến nay không còn quan tâm nhau nữa.

Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: ông và bà L có 01 con chung tên Trần Ngọc Huyền D, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2011, hiện cháu D đang ở với ông; Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh L vắng mặt nơi cư trú và không rõ thời điểm trở về nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: về hôn nhân, ông A được ly hôn bà L; về con chung: giao cháu D cho ông A nuôi dưỡng, ông A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nghĩa vụ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh L; giao 1 người con chung giữa ông với bà L là cháu Trần Ngọc Huyền D cho ông nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tuy Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: do bà L vắng mặt tại nơi cư trú và không rõ thời điểm trở về nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bà Loan theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: Ông Trần Ngọc A và bà Nguyễn Thị Thanh L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 08 tháng 4 năm 2010 tại Ủy ban

nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

4. Về yêu cầu khởi kiện của ông Tuyên: Ông A yêu cầu được ly hôn bà L vì bà L không chăm sóc gia đình, ông bà đã ly thân hơn 2 năm nay lời trình bày của ông A phù hợp với nội dung xác minh được tại khu phố nơi ông bà sinh sống trước đây và người thân của ông A, điều đó thể hiện bà L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A đối với bà L theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: ông A và bà L có 01 con chung tên Trần Ngọc Huyền D, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2011, hiện đang ở với ông A nên tiếp tục giao cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông A không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét

Về tài sản và nghĩa vụ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Ông A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho ông tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Ngọc A đối với bà Nguyễn Thị Thanh L; ông Trần Ngọc A được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh L.

Về con chung: ông A và bà L có 01 con chung tên Trần Ngọc Huyền D, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2011, hiện đang ở với ông A

Giao cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi,

Ông A không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai cản trở. Người không trực tiếp nuôi con

lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Ông A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông A đã tạm nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0019686, ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong nên không hoàn lại cho ông số tiền này

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND (Tỉnh + Huyện);
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- UBND thị trấn Liên Hương;
- Lưu HS.

Hồ Hoàn Kiếm